

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày 11 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1995 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân tại Công ty TNHH Giày V Việt Nam chi nhánh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị M; có vợ là Trần Thị Hồng Th; có 01 con; tiền án: Bản án số 06/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Phạm Văn T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; tiền sự: Không; nhân thân: Từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 01 năm 2016 đóng quân tại Lữ đoàn XX,

Quân chủng Hải quân; bị bắt, tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà XX, Ngách XX/X, đường H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. (*vẫn mặt không có lý do*)

2. Anh Nguyễn Huy T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số XXX, Quang T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (*vẫn mặt không có lý do*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình; là mẹ đẻ Phạm Văn T. (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T tham gia hội nhóm “Chợ linh kiện máy tính cũ” trên mạng xã hội Facebook bằng tài khoản “Phạm Văn T” nên biết các thành viên trong nhóm thường trao đổi về việc mua bán linh kiện máy vi tính cũ. Ngày 19 tháng 9 năm 2019, khi đang làm việc tại Công ty TNHH Giày V Việt Nam chi nhánh Thái Bình có địa chỉ tại cụm công nghiệp thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình, T sử dụng điện thoại di động Iphone 6S của T đăng nhập Facebook thấy tài khoản Facebook “Max Pham” của anh Phạm Tuấn A đăng trên nhóm “Chợ linh kiện máy tính cũ” với nội dung “Cần bay em máy tính văn phòng”. Do đang cần tiền chi tiêu cá nhân, T nảy sinh ý định lừa bán máy vi tính nhằm chiếm đoạt tiền của anh Tuấn A. Để thực hiện ý định, T chủ động nhắn tin cho anh Tuấn A qua ứng dụng Messenger trên Facebook tự giới thiệu là nhân viên của Công ty Giày V có trụ sở tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình được giao thanh lý máy vi tính cũ của Công ty và muốn bán máy vi tính cho anh Tuấn A. Trên thực tế, Công ty Giày V không có máy vi tính để thanh lý và T cũng không được giao nhiệm vụ thanh lý bất cứ tài sản nào của Công ty. Để tạo lòng tin, T dùng điện thoại di động chụp hình ảnh 02 bộ máy vi tính cũ để ở trong kho Công ty nơi T đang làm việc, chụp ảnh chứng minh nhân dân và ảnh chân dung của T gửi cho anh Tuấn A qua tài khoản Facebook. Qua tin nhắn, anh Tuấn A đồng ý mua của T 01 bộ

máy vi tính cũ với giá 2.500.000 đồng. T yêu cầu anh Tuấn A chuyển tiền trước vào số tài khoản 47110001099XXX của T mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và hứa sau khi nhận được tiền T sẽ giao máy tính cho anh Tuấn A qua đường bưu điện. Anh Tuấn A đồng ý. Buổi chiều cùng ngày, anh Tuấn A nhờ bạn là chị Nguyễn Minh A (sinh năm 1992, địa chỉ ở tại số XX, ngách XXX, ngõ X, phố T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội) chuyển 2.500.000 đồng từ tài khoản số 19032355229XXX của chị Minh Anh T1 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam vào số tài khoản 47110001099XXX của T. Sau khi nhận được tiền, T hứa đến ngày 20 tháng 9 năm 2019 sẽ gửi máy vi tính qua đường bưu điện cho anh Tuấn A. Sau đó, T rút hết 2.500.000 đồng trong tài khoản chi tiêu cá nhân hết và không chuyển máy vi tính cho anh Tuấn A như đã thỏa thuận.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, Phạm Văn T tiếp tục sử dụng điện thoại Iphone 6S của T đăng nhập vào nhóm “Chợ linh kiện máy tính cũ” thấy tài khoản Facebook “Nguyễn Long” của anh Nguyễn Huy T1 đăng bài “Cần tìm mua màn hình LCD”. Với thủ đoạn tương tự như đã thực hiện với anh Phạm Tuấn A, T chủ động nhắn tin cho anh T1 với nội dung “Anh có mua máy tính Full bộ không”, anh T1 yêu cầu T cho xem cấu hình và thông tin máy, T gửi hình ảnh 02 bộ máy vi tính chụp ngày 19 tháng 9 năm 2019 và thông tin máy cho anh T1, T nói dối là Công ty đang làm dự án thay máy vi tính mới nên thanh lý máy vi tính cũ. Để tạo lòng tin, T chụp ảnh chứng minh thư nhân dân, ảnh thẻ công nhân và ảnh chân dung của T gửi cho anh T1 qua tài khoản Facebook. Sau khi trao đổi, anh T1 đồng ý mua của T 04 bộ máy vi tính cũ giá 8.400.000 đồng, 01 case máy vi tính cũ giá 1.400.000 đồng, 01 màn hình máy vi tính cũ giá 300.000 đồng. T yêu cầu anh T1 chuyển tiền trước vào số tài khoản 47110001099XXX của T mở tại BIDV, sau đó T mới giao hàng cho anh T1. Anh T1 đồng ý. Trong các ngày 01 và ngày 02 tháng 10 năm 2019, anh T1 sử dụng số tài khoản 62110000723XXX của anh T1 mở tại BIDV chuyển vào số tài khoản 47110001099XXX của T tổng số tiền là 10.100.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T hứa đến ngày 03 tháng 10 năm 2019 sẽ chuyển hàng cho anh T1 qua xe ô tô khách. Sau đó, T rút số tiền trên để chi tiêu cá nhân hết và không chuyển máy tính cho anh T1 như đã thỏa thuận.

Sau nhiều lần liên lạc, đòi tiền nhưng T đều khất lần, sau đó không liên lạc nữa nên ngày 08 tháng 01 năm 2020, anh Phạm Tuấn A và anh Nguyễn Huy T1 đã làm đơn tố cáo T gửi đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đề nghị điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu T phải hoàn trả lại T bộ số tiền đã chiếm đoạt. Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự giác giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, hồng, trắng, số IMEI 353264078811715, thẻ sim số seri 8984048831008301171, có ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, cơ quan điều tra tiến hành niêm phong trong 01 phong bì, bên ngoài ghi “Điện thoại di động do Phạm Văn T giao nộp ngày 09 tháng 01 năm 2020”). Quá trình điều tra, T đã tác động đến mẹ đẻ bà Phạm Thị M bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Ngày 15 tháng 2 năm 2020, bà M bồi thường cho anh Tuấn A số tiền 2.500.000 đồng. Ngày 17 tháng 3 năm 2020, bà M nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền 10.100.000 đồng để bồi thường cho anh T1. Bà M không yêu cầu T phải trả lại số tiền bà đã bồi thường và nộp bồi thường cho các bị hại.

Cáo trạng số 18/CT-VKSVT ngày 24 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Phạm Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Kiểm sát viên trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án số 06/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hình phạt của cả hai bản án là 04 năm 03 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 15 tháng 01 năm 2020, bị cáo được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam của bản án trước. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào

ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S quản lý của bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, chấp nhận việc bà M đã bồi thường cho anh Tuấn A số tiền T đã chiếm đoạt là 2.500.000 đồng; buộc T phải bồi thường cho anh T1 số tiền 10.100.000 đồng; chuyển số tiền 10.100.000 đồng bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền bồi thường cho anh T1. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn T đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Phạm Văn T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, Phạm Văn T khai nhận T bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại anh Phạm Tuấn A, anh Nguyễn Huy T1; tập tài liệu tin nhắn qua mạng xã hội Facebook thể hiện các nội dung trao đổi mua bán máy vi tính giữa tài khoản “Max Pham” của anh Phạm Tuấn A với tài khoản “Phạm Văn T”, tài khoản “Nguyễn Long” của anh Nguyễn Huy T1 với tài khoản “Phạm Văn T”; biên bản thu giữ và kiểm tra điện thoại Iphone 6S của T; công văn số

083/BIDV.TB-QLRR ngày 14 tháng 01 năm 2020 của BIDV chi nhánh Thái Bình về việc cung cấp thông tin thể hiện các giao dịch chuyển tiền của anh Tuấn A, anh T1 vào tài khoản của T; biên bản làm việc tại Công ty TNHH Giày V Việt Nam chi nhánh Thái Bình thể hiện T là công nhân tại công ty, có nhiệm vụ quản lý kho vật liệu, T không được giao thực hiện việc thanh lý máy vi tính của công ty, từ ngày thành lập đến nay công ty không có chương trình bán hay thanh lý máy tính; ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 9, tháng 10 năm 2020 tại Công ty TNHH Giày V Việt Nam chi nhánh Thái Bình có địa chỉ tại cụm công nghiệp thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình, mặc dù không có máy vi tính để bán nhưng Phạm Văn T đã sử dụng tài khoản Facebook “Phạm Văn T” nhắn tin với tài khoản Facebook “Max Pham” của anh Phạm Tuấn A và tài khoản Facebook “Nguyễn Long” của anh Nguyễn Huy T1 trong nhóm “Chợ linh kiện máy tính cũ” lừa dối rao bán máy vi tính cũ để chiếm đoạt của anh Tuấn A số tiền 2.500.000 đồng, của anh T1 số tiền 10.100.000 đồng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt là 12.600.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, T đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi trên của Phạm Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Điều 174 Bộ luật Hình sự, tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định: *“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”*

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, có công việc, có thu nhập ổn định nhưng bị cáo không tích cực phấn đấu rèn luyện, tham gia lao động sản xuất để có nguồn thu nhập chính đáng, mà lợi dụng sự cả tin của những người tham gia mạng xã hội, sự sơ hở, lỏng lẻo của các cơ quan chức năng trong việc quản lý bán hàng qua mạng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Tuấn A, của anh T1, tổng số tiền là 12.600.000

đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, thể hiện lối sống buông thả, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Phạm Văn T có một tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, trong một thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện hai hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có thời gian tham gia quân đội, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, thấy: Năm 2017 bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tích cực rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới khi đang chấp hành thời gian thử thách của án treo, điều đó thể hiện bị cáo không ăn năn, hối lỗi, không mong muốn sửa đổi để hòa nhập cộng đồng. Do đó cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Phạm Văn T đang chấp hành hình phạt 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Thanh Hóa. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới khi đang chấp hành thời gian thử thách của án treo, vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt của bản án trước, rồi quyết định hình phạt chung cho cả hai bản án, bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của bản án trước.

[8] Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc*

tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy bị cáo hiện đang bị tạm giam, không có công việc, không có thu nhập, không có tài sản, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về bồi thường thiệt hại:

[9.1] Đối với số tiền Phạm Văn T đã chiếm đoạt của anh Phạm Tuấn A: Xét thấy, ngày 15 tháng 02 năm 2020, bà Phạm Thị M đã bồi thường cho anh Tuấn A đủ số tiền trên, về phía anh Tuấn A không có ý kiến, đề nghị gì, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9.2] Đối với số tiền 10.100.000 đồng Phạm Văn T chiếm đoạt của anh Nguyễn Huy T1: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh T1 là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận và chuyển số tiền 10.100.000 đồng bà Phạm Thị M đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền bồi thường thiệt hại cho anh T1.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, hồng, trắng, số IMEI 353264078811715, thẻ sim số seri 8984048831008301171, có ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng (niêm phong trong 01 phong bì, bên ngoài ghi “Điện thoại di động do Phạm Văn T giao nộp ngày 09 tháng 01 năm 2020”) là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Xét việc bà Phạm Thị M không yêu cầu Phạm Văn T phải trả lại số tiền bà M đã bồi thường và nộp bồi thường cho các bị hại anh Phạm Tuấn A, anh Nguyễn Huy T1, là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[12] Bị cáo Phạm Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo Phạm Văn T, các bị hại anh Phạm Tuấn A, anh Nguyễn Huy T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm h, g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với mức hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 06/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam (ngày 15 tháng 01 năm 2020). Bị cáo Phạm Văn T được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án trước (từ ngày 13 tháng 9 năm 2016 đến ngày 11 tháng 01 năm 2017).

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

3.1. Chấp nhận việc bà Phạm Thị M đã bồi thường cho anh Phạm Tuấn A số tiền bị cáo Phạm Văn T đã chiếm đoạt là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3.2. Xử buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Huy T1 số tiền 10.100.000 đồng (mười triệu một trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 10.100.000 đồng (mười triệu một trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị M đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003660 ngày 17 tháng 3 năm 2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền bồi thường cho anh Nguyễn Huy T1.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, hồng, trắng, số IMEI 353264078811715, thẻ sim số seri 8984048831008301171, có ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng (niêm phong trong 01 phong bì, bên ngoài ghi “Điện thoại di động do Phạm Văn T giao nộp ngày 09 tháng 01 năm 2020”). (Đã chuyển đến cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 31 tháng 3 năm 2020).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Phạm Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 5 năm 2020). Các bị hại là anh Phạm Tuấn A, anh Nguyễn Huy T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Viện kiểm sát ND huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương